TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2026/QĐST-DS	*Cà Mau, ngày 17 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 03 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 258/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Địa chỉ trụ sở chính: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T; chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng danh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Theo Văn bản ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Ông Đỗ Thành T ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Đỗ Khắc M và ông Bùi Văn S; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Theo Văn bản ủy quyền số 32401/2025/UQ-VBP ngày 18/6/2025.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị Ngọc T1, sinh ngày 16/02/1991. Căn cước công dân số 095191012399, cấp ngày 14/8/2021. Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến hết ngày 09 tháng 03 năm 2026, bà Trương Thị Ngọc T1 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền gốc và tiền lãi suất là 138.842.407 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm lẻ bảy đồng); trong đó: Nợ tiền gốc là 30.737.720 đồng (Ba mươi triệu

bảy trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi đồng) và nợ tiền lãi suất là 108.104.687 đồng (Một trăm lẻ tám triệu một trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

2.2. Bà Trương Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền gốc và tiền lãi suất là 138.842.407 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm lẻ bảy đồng); trong đó: Nợ tiền gốc là 30.737.720 đồng (Ba mươi triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi đồng) và nợ tiền lãi suất là 108.104.687 đồng (Một trăm lẻ tám triệu một trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

2.3. Kể từ ngày 10 tháng 03 năm 2026, bà Trương Thị Ngọc T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì lãi suất mà bà Trương Thị Ngọc T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2.4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 6.942.200 đồng (Sáu triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng), nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 3.471.100 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn một đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bà Trương Thị Ngọc T1 thống nhất bà Trương Thị Ngọc T1 tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.471.100 đồng (Ba triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn một đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002004 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được hoàn lại số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7-Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7-Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Hồng Chi